TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 29-02-2024
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nguyệt.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Ông Lộc Sơn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Mi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2023/TLPT-DS, ngày 03 tháng 11 năm 2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 71/2023/QĐ-PT ngày 11-12-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐ-PT ngày 27-12-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐ-PT ngày 16-01-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐ-PT ngày 29-01-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bế Văn C. Cư trú tại: Thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Bích T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng Văn P. Cư trú tại: Thôn L2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H; vắng mặt.

2. Chị Bế Thị M; vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Bế Văn C; cư trú tại: Thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 19-6-2023); có mặt.

3. Anh Bế Thành V; có mặt.

4. Chị Hoàng Thị T; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Bế Thị N; cư trú tại: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị M; có mặt.

7. Anh Hoàng Văn D; vắng mặt.

8. Anh Hoàng Văn D1; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn L2, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

9. Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Minh T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Bá P- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2024); có mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Văn P, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 và kết quả đo đạc của Công ty Cổ phần khảo sát Đ, xác định: Đất tranh chấp có diện tích 9536,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 681, tờ bản đồ 01; đất thuộc khu N, thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Phía Bắc giáp đường đất, hồ P; phía Nam giáp thửa đất số 699 của ông Hoàng Văn D; phía Đông giáp một phần thửa đất 681 không tranh chấp; phía Tây giáp thửa đất 687 của ông Hoàng Văn P và một phần thửa đất 681 không có tranh chấp. Tài sản trên đất gồm: 01 cây hồng đường kính gốc dưới 2cm; 01 cây hồi tái sinh từ gốc, có đường kính gốc khoảng 8cm, cao khoảng 50cm;

Kết quả định giá: Đất có giá 5000đ/m^2, tổng giá trị diện tích đất tranh chấp là 47.684.000 đông. Tài sản trên đất: 01 cây hồng có giá 59.000đồng; 01 cây hồi tái sinh từ gốc: Không có giá trị. Các cây bụi, rải rác có cây tái sinh không có giá trị.

Nguyên đơn ông Bế Văn C trình bày: Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha để lại, ông đã canh tác sử dụng từ năm 1980 không phát sinh tranh chấp gì và đến năm 1994 đã được cấp sổ bìa xanh, sau đó đến ngày 10/3/2000 được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay theo quy hoạch ba loại rừng thuộc đất rừng phòng hộ. Quá trình quản lý và sử dụng gia đình ông đã trồng ngô, trồng lúa nương, năm 2005 trồng cây hồi theo dự án của Lâm trường, năm 2006 đến năm 2008 trồng cây ngô, sắn, năm 2012 con gái ông là Bế Thị M trồng cây thuốc lá trên một phần đất. Đến tháng 01/2022, ông Hoàng Văn P đến chặt cây rừng và xảy ra tranh chấp. Ông khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất tranh chấp, tài sản trên đất, buộc bị đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp đất; ông rút một phần yêu cầu khởi kiện là buộc ông Hoàng Văn P phải bồi thường thiệt hại tài sản trên đất.

Bị đơn ông Hoàng Văn P trình bày: Gia đình ông có thửa đất nương nằm trong thửa 681, tờ bản đồ 01, diện tích 16.017m^2. Thửa đất đó có đường ranh giới giữa nương của ông và rừng phòng hộ của ông Bế Văn C, nương của ông đã có giấy xác minh của hai ủy nhiệm thôn, xác minh ngày 16/10/1994, xác nhận phần đất đó là nương của ông đã canh tác, gia đình ông đã được bố mẹ ông chia cho, được quản lý sử dụng từ năm 1992 đến nay. Thửa đất đó gia đình ông để trồng ngô, thuốc lá và có cả cây hồi, cây hồng, mận tam hoa, do ông tự trồng không ai chứng kiến. Từ năm 1993 ông canh tác liên tục để trồng ngô, sắn, thuốc lá, đến năm 2017, 2018, gia đình ông trồng thuốc lá trên đất đó và làm lò sấy ngay cạnh nhà liền kề thửa đất đó. Đến năm 2019, ông chia cho hai con trai là Hoàng Văn D, Hoàng Văn D1 mỗi người một khoảnh trồng cỏ để làm bãi chăn nuôi đến bây giờ. Ông cho rằng việc ông Bế Văn C có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có giấy chứng nhận đối với thửa 482, tờ bản đồ 01 chứ không phải với thửa đất số 681, tờ bản đồ 01. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất ông Bế Văn C đã rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa thì ông cũng nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị H, chị Bế Thị M, chị Bế Thị N, anh Bế Thành V, chị Hoàng Thị T nhất trí với ý kiến của ông Bế Văn C.

- Bà Nguyễn Thị M, anh Hoàng Văn D, anh Hoàng Văn D1 tại các bản khai nhất trí và có cùng ý kiến với ông Hoàng Văn P.

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Về trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Đúng trình tự thủ tục và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận. Kết quả kê khai, đăng ký được ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận trên đơn. Việc lập bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 tại xã T

chưa áp dụng công nghệ thông tin, không có sản phẩm số hóa và không có tọa độ cụ thể nên có độ chính xác tương đối; diện tích thửa đất theo bản đồ giải thửa do người sử dụng đất tự kê khai. Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2011 xã T được đo đạc tại thực địa bằng dụng cụ đo đạc có độ chính xác cao, áp dụng công nghệ thông tin trong lập bản đồ, kết quả đo đạc được số hóa và có tọa độ cụ thể do đó diện tích thực địa thửa đất được tính toán và thể hiện chính xác. Do vậy cùng diện tích đất theo ranh giới cụ thể nhưng có sự chênh lệch diện tích giữa Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 2000 và Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2011 xã T. Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thì vị trí thửa đất số 681, tờ bản đồ số 01 được xác định là đất rừng phòng hộ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất hoặc, do vậy người sử dụng đất vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã T*:* Tại thời điểm năm 1998, chính sách giao đất, giao rừng của nhà nước, xét điều kiện và khả năng của hộ gia đình, cá nhân đề nghị được cấp diện tích rừng và đất trồng rừng (Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng được thể hiện bằng "Bìa xanh" cụ thể trong sổ Lâm bạ được giao năm 1994, ông Bế Văn C ở số thứ tự 58, số hiệu trên bản đồ 58, tiểu khu 247, khoảnh 16, diện tích 1,5ha; địa danh Rọ Roạt, thuộc loại rừng cây bụi). Năm 1999, thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (Bìa đỏ), Phương pháp thực hiện là chuyển dữ liệu thông tin thửa đất từ bìa xanh sang bìa đỏ đối với đất đồi (chỉ thay đổi số hiệu thửa và chuyển đơn vị diện tích từ "ha" chuyển thành "m"). Do vậy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ gia đình, cá nhân tại thửa đất số 482 được cấp đúng theo quy định. Bởi vì phải có hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng làm căn cứ để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trước đây Ủy ban nhân dân xã chưa nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Bế Văn C và ông Hoàng Văn P tại thửa đất 482.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-STngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của nguyên đơn ông Bế Văn C. Ông Bế Văn C được quyền sử dụng diện tích đất, tài sản trên đất tranh chấp 9536,8m^2 tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 01 có diện tích 15.000m^2, mục đích sử dụng: Đất lâm nghiệp; tại thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 685773, số vào sổ cấp GCN: 00658 ngày 10 tháng 3 năm 2000 cho ông Bế Văn C; nay là thửa đất số 681, tờ bản đồ số 01 có diện tích 16016m^2, thuộc đất rừng phòng hộ theo các quy định của nhà nước.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn P phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

2. Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bế Văn C về yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn P phải bồi thường thiệt hại tài sản là cây trên đất. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do rút yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn ông Hoàng Văn P có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn; bị đơn đề nghị được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 9536,8m^2 tại thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn ông Hoàng Văn P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông Bế Văn C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm, không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy có đương sự vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cấp sơ thẩm và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vụ án vắng mặt một số người tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn P trong thời hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

* Quan điểm của Viện kiểm sát đối với kháng cáo như sau: Xét kháng cáo của bị đơn: Về nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng diện tích 9536,8m^2, theo xác minh Ủy ban nhân dân xã T cho biết: Về nguồn gốc thửa đất năm 1994 ông Bế Văn C đã được cấp sổ bìa xanh đến năm 2000 thì được cấp đổi sang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp từ trước cho đến nay do nguyên đơn quản lý, sử dụng tài sản trên đất tranh chấp có 01 cây hồng có đường kính gốc dưới 2cm, 01 cây hồi tái sinh. Đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 681, tờ bản đồ 01 xã T; thuộc khu N, thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; theo kết quả số hóa, chồng ghép bản đồ phần đất tranh chấp diện tích

9536,8m^2 nằm trong một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ 01 bản đồ đất lâm nghiệp năm 1999 và nằm trong một phần thửa đất 681, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2011 xã T; Thửa đất số 482, tờ bản đồ 01, đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bế Văn C. Bị đơn ông Hoàng Văn P cho rằng là của ông cha để lại nhưng không có tài liệu, căn cứ chứng minh. Cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bế Văn C là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, còn có một số vi phạm thiếu sót, cụ thể như sau:

Cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Về nghĩa vụ chịu án phí, tại nhận định [15] và mục 5 phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc bị đơn ông Hoàng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.387.150 đồng. Do bị đơn là dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, Bản án sơ thẩm quyết định miễn án phí cho bị đơn. Như vậy, Bản án sơ thẩm xác định nguyên đơn có quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp, không xác định quyền sử dụng đất theo phần, nhưng lại nhận định và quyết định bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tại mục 1 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của nguyên đơn ông Bế Văn C, ông Bế Văn C được quyền sử dụng diện tích đất, tài sản trên đất tranh chấp 9536,8m^2 tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 01 có diện tích 15.000m²..., nhưng không tuyên cụ thể diện tích đất tranh chấp có các đỉnh, điểm và độ dài các cạnh là bao nhiêu theo mảnh trích đo kèm theo bản án là chưa đảm bảo, gây khó khăn cho việc thi hành án.

Từ những phân tích đánh giá trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn P.

Đề nghị sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06-9-2023 của Toà án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn như phân tích, đánh giá nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền có mặt, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn P đề nghị được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 9536,8m^2 tại thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thấy rằng:

[3] Căn cứ Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, xác định: Đất tranh chấp có diện tích 9536,8m^2 thuộc một phần thửa đất thửa đất số 681, tờ bản đồ 01 xã T; thuộc khu N, thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.Tài sản trên đất có 01 cây hồng đường kính gốc dưới 2cm; 01 cây hồi tái sinh đường kính gốc khoảng 8cm, cao khoảng 50cm;

[4] Theo kết quả số hóa, chồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, bản trích đo khu đất tranh chấp; kết quả do Công ty cổ phần trắc địa bản đồ S - chi nhánh Lạng Sơn, xác định: Phần đất tranh chấp có diện tích 9536,8m^2 nằm trong vị trí một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ 01 bản đồ đất lâm nghiệp năm 1999 và nằm trong một phần thửa đất 681, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2011 xã T;

[5] Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng và kê khai quyền sử dụng đất tranh chấp: Nguyên đơn ông ông Bế Văn C cho rằng là của ông cha để lại, đã canh tác sử dụng từ năm 1980, đến năm 1994 đã được giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (cấp sổ bìa xanh). Ngày 10/3/2000 được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 482, tờ bản đồ 01, diện tích 15.000m^2, mục đích sử dụng: Đất lâm nghiệp, đứng tên ông Bế Văn C. Hiện nay, theo bản đồ địa chính đo vẽ tháng 7 năm 2011 thửa đất thuộc thửa số 681, tờ bản đồ 01, có diện tích 16.017m^2. Bị đơn ông Hoàng Văn P cho rằng là đất của cha ông để lại ông vẫn canh tác liên tục trên đất từ năm 1992 đến nay, đất nằm trong thửa 681, tờ bản đồ 01, diện tích 16.017m^2, có đường ranh giới giữa nương của ông và rừng phòng hộ của ông Bế Văn C, nương của ông đã có giấy xác minh của hai ủy nhiệm thôn ngày 16/10/1994, xác nhận phần đất đó là nương của ông đã canh tác, gia đình ông trồng ngô, thuốc lá và có cả cây hồi, cây hồng, mận tam hoa. Ông canh tác liên tục từ năm 1993 trồng ngô, sắn, thuốc lá; đến năm 2017, 2018, gia đình ông trồng thuốc lá trên đất đó và làm lò sấy ngay cạnh nhà liền kề thửa đất đó. Đến năm 2019, ông chia cho hai con trai là Hoàng Văn D, Hoàng Văn D1 mỗi người một khoảnh trồng cỏ để làm bãi chăn nuôi đến bây giờ. Tháng 01 năm 2022, hai bên xảy ra tranh chấp.

[6] Về diện tích thửa đất có sự thay giữa hai lần đo đạc thửa đất 482, tờ bản đồ số 01, theo bản đồ đất lâm nghiệp năm 1999 có diện tích 15.000m^2; nay là thửa số 681, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ địa chính đo vẽ tháng 7 năm 2011 có diện tích là 16016m^2 đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn làm rõ: Việc lập bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2000 tại xã T chưa áp dụng công nghệ thông tin, không có sản phẩm số hóa và không có tọa độ cụ thể nên có độ chính xác tương đối; diện tích thửa đất theo bản đồ giải thửa do người sử dụng đất tự kê khai. Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2011 xã T được đo đạc tại thực địa bằng dụng cụ đo đạc có độ chính

xác cao, áp dụng công nghệ thông tin trong lập bản đồ, kết quả đo đạc được số hóa và có tọa độ cụ thể do đó diện tích thực địa thửa đất được tính toán và thể hiện chính xác. Do vậy, cùng diện tích đất theo ranh giới cụ thể nhưng có sự chênh lệch diện tích giữa Bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 2000 và Bản đồ địa chính lâm nghiệp năm 2011 xã T.

[7] Theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt đề án rà soát, điều chỉnh ranh giới ba loại rừng tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 thì vị trí thửa đất số 681, tờ bản đồ số 01 được xác định là đất rừng phòng hộ. Thửa đất 482, tờ bản đồ 01, diện tích 15.000m^2, mục đích sử dụng là đất lâm nghiệp; hiện nay là thửa đất số 681, tờ bản đồ 01 có diện tích 16.016m^2; theo bản đồ địa chính lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 xã T đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành Q685773, số vào số 00658, ngày cấp 10/3/2000 cho ông Bế Văn C. Đến nay chưa được cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất hoặc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do vậy người sử dụng đất vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[8] Tại Công văn số 39/UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ngày 08/01/2024 cho biết: Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu, khả năng bảo vệ, phát triển rừng và đang sinh sống trong khu vực rừng phòng hộ mà chưa có tổ chức quản lý và quy hoạch khu vực trồng rừng phòng hộ thì được xem xét, giao đất rừng phòng hộ để bảo vệ, phát triển rừng; việc giao rừng phòng hộ thống nhất, đồng bộ với giao đất rừng phòng hộ.

[9] Quá trình quản lý và sử dụng đất: Ông Hoàng Văn P cho rằng là đất của cha ông để lại cho ông canh tác liên tục trên đất từ năm 1992 đến nay có giấy xác minh của hai ủy nhiệm thôn ngày 16/10/1994, xác nhận phần đất đó là nương của ông Hoàng Văn P đã canh tác là không có căn cứ; bởi: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22-02-2023, trên đất tranh chấp chỉ có tài sản là 01 cây hồng đường kính dưới 2cm và 01 cây hồi mọc tái sinh đường kính gốc 8cm, không có cây trồng hay tài sản gì của ông Hoàng Văn P. Quá trình giải quyết, ông Hoàng Văn P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh về quá trình canh tác và sử dụng đất, ông chưa từng kê khai, hoặc thực hiện quyền của người sử dụng đất. Diện tích đất tranh chấp từ trước cho đến nay do hộ ông Bế Văn C quản lý, sử dụng, có năm trồng hoa mầu, có năm không canh tác; gia đình ông Hoàng Văn P chưa hề canh tác trên diện tích đất này, chỉ đến tháng 01 năm 2022 ông Hoàng Văn P đến phát cây thì mới xảy ra tranh chấp. Nội dung này cũng đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn xác nhận, phù hợp với lời khai của ông Bế Văn C.

[10] Tại biên bản xác minh ngày 09-03-2023, Ủy ban nhân dân xã T, huyện B khẳng định nguồn gốc thửa đất 482, tờ bản đồ 01 ông Bế Văn C đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/3/2000. Ông Bế Văn C năm 1994, được giao Hồ sơ quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng (cấp sổ bìa xanh), năm 2000 được cấp đổi sang giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo bản đồ địa chính đo vẽ tháng 7/2011 là thửa đất số 681, tờ bản đồ 01 có diện tích 16.016 m^2. Diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay là do hộ ông Bế Văn C quản lý và sử dụng. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận thửa đất 681, tờ bản đồ 01 là của ông Hoàng Văn P. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn ông Hoàng Văn P kháng cáo đề nghị được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 9536,8m^2 tại thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là không có căn cứ để được chấp nhận.

[11] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm còn có một số thiếu sót, cụ thể: Tại mục 1 phần Quyết định của Bản án tuyên nguyên đơn được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp: 9536,8m^2 đất rừng tự nhiên phòng hộ (RPN), vị trí đỉnh thửa: A,B,C,D,E,F,G,H,I,K,L,M,N,O,P,Q,R nhưng không tuyên vị trí đỉnh thửa là không đúng; việc tuyên như vậy gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, ông Hoàng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng; tuy nhiên cấp sơ thẩm nhận định bị đơn ông Hoàng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ không có giá ngạch là 2.387.150 đồng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án là không đúng. Bị đơn ông Hoàng Văn P là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[13] Vì những lý do phân tích nêu trên, do đó cần sửa một phần bản án sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[14] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[15] Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn ông Bế Văn C tạm ứng để chi phí số hóa, chồng ghép bản đồ số tiền 4.000.000 đồng. Ông Bế Văn C tự nguyện chịu toàn bộ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[16] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn ông Hoàng Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[17] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Lạng Sơn, có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[18] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận; đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn P.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2023/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, 169 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 2, Điều 20, Điều 73, 79 Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ các Điều 5, 10, 46, 49, 50, 52, 136 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ các Điều 26, 100, 105, 166, 203, 210 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 24; khoản 1, 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về Tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản trên đất của nguyên đơn ông Bế Văn C. Ông Bế Văn C được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp: 9536,8m^2 đất rừng tự nhiên phòng hộ (RPN), vị trí đỉnh thửa: A,B,C,D,E,F,G,H,I,K,L,M,N,O,P,Q,R,A; thuộc một phần của thửa đất số 681, tờ bản đồ số 01, lập năm 2011 (bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn) và tài sản là cây trồng trên đất trong phạm vi, vị trí diện tích đất nêu trên. Khu đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc một phần thửa đất số 482, tờ bản đồ số 01 lập năm 1999 có diện tích 15.000m^2, mục đích sử dụng: Đất lâm nghiệp; tại thôn L1, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 685773, số vào sổ cấp GCN: 00658 ngày 10 tháng 3 năm 2000 cho ông Bế Văn C; có các phía tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc giáp đường đất, hồ P, cạnh dài các điểm K, L, M, N, O, P, Q, R, A là 118.72m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 699 của ông Hoàng Văn D, cạnh dài các điểm C, D là 76.84m;

+ Phía Đông giáp một phần thửa đất số 681 không tranh chấp cạnh dài các điểm A, B, C là 91.31m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 687 và một phần thửa đất số 681 không có tranh chấp, cạnh dài các điểm D, E, F, G, H, I, K là 137.36m.

(*Có bản trích đo địa chính số 04-2023 ngày 10/3/2023 và bản trích đo số*

hóa, chồng ghép bản đồ ngày 20-02-2024 kèm theo)

Ông Bế Văn C có trách nhiệm đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Quản lý, sử dụng đất rừng phòng hộ theo các quy định của nhà nước.

2. Buộc bị đơn ông Hoàng Văn P và các thành viên trong hộ gia đình phải chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất trên.

3. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Ông Bế Văn C tự nguyện chịu 4.000.000đ (bốn triệu đồng) tiền chi phí số hóa, chồng ghép bản đồ, theo phiếu thu ngày 20-02-2024 của Công ty Cổ phần Trắc địa bản đồ và Môi trường S – Chi nhánh Lạng Sơn. Số tiền này ông Bế Văn C đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.00đ (ba trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Bị đơn ông Hoàng Văn P là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định.

Nguyên đơn ông Bế Văn C được hoàn trả lại số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002857 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Hoàng Văn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

6. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADSH. B, tỉnh .Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP, Phòng KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lương Thị Nguyệt